

Bản án số: 475/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 26/07/2017

V/v: tranh chấp “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Mai Trọng Thắng – Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường Tân Phong, Quận 7

2/ Bà Huỳnh Nguyệt Ánh – Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Quận 7

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lương Vũ Thùy Dung - là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 867/2016/HNST ngày 01/12/2016 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Tuyết M, sinh năm 1992 (xin vắng mặt)

Thường trú: 39J khu Cư xá A, tổ B, khu phố C, phường D, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

Tạm trú: C9/26 ấp X, xã Y, huyện Z, Tp Hồ Chí Minh

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Thường trú: 39J khu Cư xá A, tổ B, khu phố C, phường D, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 80/6 đường M, phường N, Quận F, Tp Hồ Chí Minh

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* ông Phạm Văn V, sinh năm 1980 – Luật sư Văn phòng Luật sư Trần Phạm và cộng sự thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Địa chỉ: 80/4B đường H, khu phố K, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố lời khai trong đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2016, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án do nguyên đơn bà Huỳnh Thị Tuyết M trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hoàng V qua thời gian tìm hiểu khoảng vài tháng thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn trễ hạn (Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01/2010 ngày 12/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đại Hiệp, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam). Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng hơn 05 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do trong quá trình chung sống ông V thiếu trách nhiệm với gia đình, thiếu tin tưởng nhau về tiền bạc và tình cảm, thường xuyên hành hung bà, dùng những lời lẽ thô tục khiến bà bị xúc phạm. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông V đã dùng bạo lực với bà khiến bà phải ra Công an phường Tân Phú, Quận 7 để trình báo và có lập biên bản. Bà đã cho ông V nhiều cơ hội sửa chữa nhưng không có kết quả mà vẫn tiếp tục chứng nào tật nấy, vợ chồng đã trao đổi để khắc phục sửa chữa nhiều lần nhưng vẫn không thể hàn gắn.

Vì vậy, bà nộp đơn khởi kiện ly hôn cho Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyện vọng:

- Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu Tòa án nhân dân Quận 7 xem xét giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Hoàng V để giải thoát cho nhau

- Về con chung: có 01 con chung họ tên: Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 15/10/2009; bà yêu cầu giao con cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng con chung, bà tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng vào ngày 05 dương lịch hàng tháng sau khi ly hôn xong.

- Về tài sản chung: đề nghị tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: bà xác nhận không có.

Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được nên bà tha thiết xin được ly hôn để giải phóng cho nhau. Ngày 11/4/2017, bà M nộp Đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do tránh nguy hiểm tới tính mạng do ông V đe dọa giết bà và luật sư.

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố lời khai trong quá trình giải quyết vụ án do bị đơn ông Nguyễn Hoàng V trình bày:

Ông V xác nhận việc kết hôn như bà M trình bày ở trên là đúng. Ông V thừa nhận quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn nhưng không phải như bà M trình bày mà do bà M thiếu trách nhiệm không quan tâm đến chồng con, bà M tự ý bỏ nhà đi theo người đàn ông khác nhưng ông V vẫn tạo cơ hội cho bà M quay về vì con rất thương mẹ, chồng còn thương vợ. Ông V khẳng định không hề đánh bà M, việc bà M trình bày là sai sự thật, xuyên tạc ảnh hưởng đến danh dự và phẩm chất của ông. Ông V không đồng ý ly hôn vì tình cảm vẫn

còn có thể hàn gắn, ông V đề nghị Tòa án hòa giải để hàn gắn hai bên. Nhưng nếu bà M quyết tâm ly hôn, ông V cũng đồng ý vì níu kéo không thể mang lại hạnh phúc cho nhau.

- Về con chung: ông V xác nhận có một con chung như bà M trình bày là đúng. Sau khi ly hôn, ông V đề nghị giao con chung cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: trong Biên bản hòa giải ngày 16/2/2017 và Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 15/3/2017 ông V có đưa ra yêu cầu về việc chia tài sản chung của vợ chồng là chiếc xe SH biển số 59C2-48539, mua với giá 86.000.000 đồng, trước khi ly hôn ông V đề nghị bà M đưa lại cho ông V tổng cộng là 47.000.000 đồng do ông V phải vay mượn nhưng ông V không nêu cụ thể nợ ai bao nhiêu tiền và địa chỉ của người cho vay. Tòa án đã yêu cầu ông V phải làm Đơn yêu cầu chia tài sản chung và giải quyết nợ chung, đóng tạm ứng án phí cũng như nộp các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình theo quy định của pháp luật nhưng đến phiên tòa hôm nay ông V vẫn không thực hiện.

- Về nợ riêng: ông V xác nhận không có.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của ông V, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ đồng thời cho ông V cam kết về thời hạn để nộp các chứng cứ cho Tòa án và làm đơn theo quy định pháp luật để chia tài sản chung là chiếc xe nhưng đến thời điểm xét xử ông V vẫn không nộp đầy đủ tài liệu để xem xét và tại phiên tòa sơ thẩm ông V vẫn vắng mặt không có lý do.

Luật sư Phạm Văn V là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà M trình bày: Mọi quan hệ vợ chồng giữa bà M và ông V không hạnh phúc, mâu thuẫn như bà M đã trình bày trong quá trình Tòa giải quyết. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của bà M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe chủ tọa công bố tóm tắt nội dung vụ án và nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án;

Sau khi nghe người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày tại phiên tòa;

Sau khi nghe kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 phát biểu quan điểm;

Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án;

Về thủ tục tố tụng:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Xét trong quá trình tòa thụ lý giải quyết, ngày 11/4/2017 bà M nộp Đơn xin xét xử vắng mặt được Tòa chấp nhận yêu cầu xin vắng mặt của bà M.

[3] Từ khi Tòa thụ lý vụ án đến nay, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Hoàng V, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ các Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên hòa giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật đối với ông V nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông V vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Nguyễn Hoàng V đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa tham gia tố tụng nên ông Nguyễn Hoàng V phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Vì vậy, lấy yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ do phía các đương sự đã xuất trình để xem xét giải quyết và Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hoàng V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; điểm a, điểm b, khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung khởi kiện:

[4] - Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyền số 01/2010 ngày 12/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đại Hiệp, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, Hội đồng xét xử khẳng định quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Tuyết M và ông Nguyễn Hoàng V là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Mặc dù hai bên bà M và ông V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh trong khoảng 03 năm trở lại đây,

nguyên nhân một phần là do kinh tế khó khăn nhưng nguyên nhân chủ yếu là do ông V thiếu sự tin tưởng bà M, luôn nghi ngờ bà M có quan hệ với người đàn ông khác. Từ đó vợ chồng luôn gây gổ, cãi vã, có lời lẽ xúc phạm nhau thậm chí ông V còn dùng bạo lực với bà M. Những nguyên nhân này là động cơ thúc đẩy bà M xin ly hôn ông V.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ông V cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn và tha thiết xin đoàn tụ, Tòa đã nhiều lần tạo điều kiện thông qua việc mở các phiên hòa giải để cho ông V có cơ hội hàn gắn nhưng ông V lại không nắm bắt tìm cách tháo gỡ mâu thuẫn vợ chồng, thay vào đó ông V cố tình không đến tham dự các phiên hòa giải, phiên họp mà luôn nhắn tin đe dọa và còn chặn đường hành hung khi bà M đến Tòa án, buộc bà M phải trình báo sự việc nhờ Công an phường Tân Phú, Quận 7 can thiệp. Chính những hành động của ông V đã làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng và không thể hàn gắn.

Từ những phân tích và căn cứ nêu trên, xét thấy, nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa bà M ông V chỉ là sự ràng buộc về mặt pháp luật, bởi hôn nhân thực tế không còn tồn tại, không đem lại hạnh phúc đích thực cho nhau. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận đơn xin ly hôn của bà M.

[5] - Về con chung: các đương sự xác nhận có 01 con chung họ tên: Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 15/10/2009. Xét từ khi bà M bỏ đi nơi khác sống, ông V là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung, ông V có nguyện vọng được nuôi con chung và yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng; bà M cũng đồng ý việc giao con cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, tại bản tự khai ngày 11/01/2017 cháu Nguyễn Hoàng K đã khai và thể hiện nguyện vọng của cháu xin được ở với bố vì bố chăm sóc tốt hơn, mẹ không còn ở chung từ lâu. Xét, để đảm bảo sự phát triển toàn diện về mặt tâm sinh lý của trẻ nên chấp nhận giao trẻ Nguyễn Hoàng K cho ông V trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

[6] - Về tài sản chung: bà M đề nghị tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa giải quyết, ông V đưa ra yêu cầu về việc chia tài sản chung tại phiên hòa giải ngày 16/2/2017 và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 15/3/2017. Tòa án đã yêu cầu ông V phải làm Đơn yêu cầu phân tố và đóng tiền tạm ứng án phí nhưng đến nay ông V vẫn không có đơn yêu cầu cụ thể nên Tòa không xét. Nếu có tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng thì ông V có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[7] - Về nợ chung: Bà M xác nhận vợ chồng không có nợ chung. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 15/3/2017 ông V

trình bày có nợ chung nhưng không nêu cụ thể nợ ai bao nhiêu tiền và địa chỉ của người cho vay nên Tòa không xét. Nếu có tranh chấp về nợ thì ông V có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[8] - Về nợ riêng: các đương sự xác nhận không có nên tòa không xét.

[9] - Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Tuyết M là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 91; khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 về án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 12;

- Về hình thức: Xử vắng mặt Bà Huỳnh Thị Tuyết M và Ông Nguyễn Hoàng V.

- Về nội dung:

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị Tuyết M được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng V.

2. Về con chung: Hai bên xác nhận có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 15/10/2009.

Giao ông Nguyễn Hoàng V là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung, bà Huỳnh Thị Tuyết M cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 08/2017 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Bà Huỳnh Thị Tuyết M có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày ông V có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, thì hàng tháng bà M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung: tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có tranh chấp thì các bên đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về nợ chung: bà M xác nhận không có, ông V xác nhận có nợ nhưng không chứng minh được nợ ai và nợ bao nhiêu tiền nên Tòa không xét. Nếu có tranh chấp thì ông V có quyền khởi kiện tranh chấp về nợ chung bằng một vụ kiện dân sự khác.

5. Về nợ riêng: các bên đương sự xác nhận không có.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Tuyết M phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con định kỳ là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2012/07217 ngày 01 tháng 12 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 7. Bà M phải nộp thêm 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

7. Án xử công khai, tại thời điểm tuyên án có mặt luật sư của nguyên đơn; nguyên đơn và bị đơn vắng mặt. Bà Huỳnh Thị Tuyết M và ông Nguyễn Hoàng V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TpHCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- UBND xã Đại Hiệp, H. Đại Lộc, T. Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Trần Thị Thủy